

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THANH KHÊ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học phổ thông Thanh Khê.
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: số 232 Kinh Dương Vương, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.760599.

Địa chỉ thư điện tử: thptthanhkhe@danang.gov.vn

Trang thông tin điện tử: <https://tkh.edu.vn/>

- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Trường THPT Thanh Khê là trường THPT công lập, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng.

- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a) Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập có nề nếp, kỉ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

b) Tầm nhìn: Là một trong những trường THPT có chất lượng của thành phố Đà Nẵng mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập, tham gia các hoạt động giáo dục và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

- Mục tiêu giáo dục

- Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Mục tiêu cụ thể

+ Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn đào tạo, trong đó có 100% giáo viên trên chuẩn. Ban Giám hiệu đạt 100% đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Không có cán bộ, giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo máy tính, tích cực ứng dụng CNTT vào giảng dạy, kiểm tra đánh giá, quản lí; 100% cán bộ, giáo

viên đổi mới phương pháp quản lý, sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, giảng dạy theo hướng phát triển năng lực của học sinh.

+ Quy mô phát triển của học sinh:

Năm học tuyển sinh	Số học sinh	Số lớp	Học lực/học tập					Hạnh kiểm/Rèn luyện			Giải Học sinh giỏi cấp thành phố	Tỉ lệ đỗ tốt nghiệp (%)	Tỉ lệ đỗ CĐ-ĐH
			Giỏi /Tốt	Khá	Trung bình/ Đạt	Yếu/ Chưa đạt	Kém	Tốt-khá	Trung bình / Đạt	Yếu/ Chưa đạt			
2020-2021	1333	33	7,27%	77,75%	14,76%	0,07%	0%	98,58%	1,2%	0,07%	40	99,77	0%
2021-2022	1331	33	10,29%	74,83%	14,50%	0,23%	0%	99,33%	0,60%	0%		99,33	0%
2022-2023	1371	33	13,64%	70,17%	15,90%	0,29%	0%	98,91%	0,88%	0,22%		99,53	0%
2023-2024	1415	33	27,92%	64,38%	7,70%	0%	0%	99,43%	0,49%	0,07%	65	100%	0%
2024-2025	1463	33	36,41%	57,12%	06,47%	0,21%	0%	99,21%	0,69%		65		

+ Cơ sở vật chất: Phần đầu đến năm 2029 CSVC đạt yêu cầu của Trường THPT đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ dạy - học nhằm nâng cao hơn chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Trường THPT Thanh Khê được thành lập ngày 26 tháng 6 năm 2007 theo Quyết định số 4898/QĐ-UBND ngày 26/6/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Địa chỉ: số 232 Kinh Dương Vương, phường Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện: Ông Đoàn Xuân Cảnh - Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc: số 232 Kinh Dương Vương, phường Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Số điện thoại: 0983780500

Địa chỉ thư điện tử: canhdxvn@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường THPT Thanh Khê được thành lập ngày 26 tháng 6 năm 2007 theo Quyết định số 4898/QĐ-UBND ngày 26/6/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh

sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường Trường THPT Thanh Khê nhiệm kì 2022 - 2027 được thành lập theo Quyết định số 1423/QĐ-SGDĐT ngày 08/11/2022 của Sở GDĐT.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng: ông Đoàn Xuân Cảnh - Quyết định số 888/QĐ-SGDĐT ngày 02/8/2024 của Sở GDĐT về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý.

- Phó hiệu trưởng: bà Đinh Thị Ngọc Lan - Quyết định số 85/QĐ-SGDĐT ngày 08/01/2021 của Sở GDĐT về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý.

- Phó hiệu trưởng: ông Trần Anh Tuấn - Quyết định số 1218/QĐ-SGDĐT ngày 10/10/2024 của Sở GDĐT về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Quy chế tổ chức và hoạt động: Quyết định số 227/QĐ-THPTTK ngày 25/10/2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường THPT Thanh Khê giai đoạn 2017-2022 theo Kế hoạch số 117/KH-THPTTK ngày 22/12/2017 và đã được Sở GDĐT phê duyệt.

Quy chế dân chủ: Quyết định số 224/QĐ-THPTTK ngày 24/10/2024 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ của Trường THPT Thanh Khê.

Nghị quyết của Hội đồng trường: Nghị quyết số 153/NQ-THPTTK ngày 12/9/2024 về việc phê duyệt các Kế hoạch của Trường THPT Thanh Khê, năm học 2024 - 2025.

Quy chế Chi tiêu nội bộ: Quyết định số 23/QĐ-THPTTK ngày 30/01/2024 về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 264/QĐ-THPTTK ngày 10/12/2024 về sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024.

Quy chế thi đua - khen thưởng: Quyết định số 253/QĐ-THPTTK ngày 29/11/2024 về việc ban hành Quy chế thi đua - khen thưởng năm học 2024-2025.

Quy chế quản lý tài sản: Quyết định số 228/QĐ-THPTTK ngày 25/10/2024 về Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Trường THPT Thanh Khê.

Quy chế tổ chức và hoạt động: Quyết định số 227/QĐ-THPTTK ngày 25/10/2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động.

Quy chế khen thưởng theo NĐ73/2024/NĐ-CP: Quyết định số 268/QĐ-THPTTK ngày 21/12/2024 về ban hành Quy chế khen thưởng theo NĐ73/2024/NĐ-CP.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm 2024

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): 17.122.144.854 đồng.

- Tổng số thu vệ sinh trường học: 76.731.500 đồng.
- Tổng số thu cho thuê tài sản: 92.906.550 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 17.186.574.091 đồng.
- + Dự toán giao đầu năm: 14.720.159.000 đồng.
- + Dự toán được bổ sung trong năm: 2.466.415.091 đồng.
- Kinh phí thực nhận trong năm: 17.122.144.854 đồng. Trong đó:
- + Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 15.876.030.218 đồng.
- + Kinh phí không thường xuyên: 1.246.114.636 đồng.
- Kinh phí quyết toán: 17.122.144.854 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 37.406.930 đồng. Bao gồm:
- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng.
- + Kinh phí còn dư ở Kho bạc: 37.406.930 đồng.

b) Các khoản chi phân theo:

Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, các khoản phải nộp theo lương, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên, ...): 14.114.828.447 đồng.

Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 2.136.541.742 đồng.

Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): 570.130.000 đồng.

Chi khác: 212.480.665 đồng.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học: Không có.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ, học sinh khuyết tật không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh thuộc diện hộ nghèo với số tiền: 51.300.000 đồng.

Hỗ trợ học bổng và mua sắm phương tiện đồ dùng dạy học cho học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo với số tiền: 36.864.000 đồng.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): không.

5. Các nội dung công khai tài chính khác nhà trường thực hiện theo đúng quy định: công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường, trong hội đồng sư phạm nhà trường...

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

Nhà trường hiện có 03 cán bộ quản lý, 76 giáo viên, 11 nhân viên được bố trí thành 09 Tổ. Trong đó, có 08 Tổ chuyên môn và 01 Tổ Văn phòng.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	Th.S	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	90		24	57	1	2	6	65	07	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	76		22	53				72	4	
1	Toán	14		8	6				14		
2	Vật lí	7		2	5				6	1	
3	Hóa học	8		5	3				6	2	
4	Sinh học	4		2	2				4		
5	Tiếng Anh	10		2	8				10		
6	Ngữ văn	9		1	7				9		
7	Lịch sử	5		1	4				4	1	
8	Địa lí	4			4				4		
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật	4			4				4		
10	Thể dục + Giáo dục QPAN	7		1	6				7		
11	Tin học	3			3				3		
12	Công nghệ	1			1				1		
13	Âm nhạc										
II	Cán bộ quản lý	03		2	1					3	
1	Hiệu trưởng	1		1						1	
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2	
III	Nhân viên	11			2	1	2	6			
1	Nhân viên văn thư	1				1					
2	Nhân viên kế toán	1			1						
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế	1					1				

5	Nhân viên thư viện	1					1				
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật										
8	Nhân viên Công nghệ thông tin	1			1						
9	Bảo vệ	3					3				
10	Phục vụ	1					1				
11	Vệ sinh	2					2				
12	Giám thị	0									

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Cán bộ quản lý đạt chuẩn và trên chuẩn: 03/03, chiếm tỉ lệ 100%.

- Giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn: 76/76, chiếm tỉ lệ 100%.

- Nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn: 11/11, chiếm tỉ lệ 100%.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 75/75, chiếm tỉ lệ 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích mặt bằng 25.096m²; với quy mô hiện tại 33 lớp/1.453 học sinh (đầu năm học 2024-2025) thì bình quân 17,27m²/1 học sinh so với yêu cầu tối thiểu theo quy định 10m²/1 học sinh.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Phòng học: 18 phòng.

- Khu nhà đa năng.

- Sân bóng đá (01 sân lớn tương đương 03 sân mini).

- Phòng học môn Tin học: 01 phòng, có kết nối Internet.

- Phòng học bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học đạt chuẩn.

- Phòng Tiếng Anh: 01 phòng.

- Phòng Thư viện: 01 phòng.

- Phòng y tế: 01 phòng.

- Phòng tiếp dân: 01 phòng.

- Văn phòng Đoàn thanh niên: 01 phòng.

- Văn phòng Công đoàn: 01 phòng.

- Phòng làm việc của bộ phận văn phòng và lãnh đạo nhà trường: 06 phòng.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Trang thiết bị, dụng cụ dạy học đảm bảo theo quy định của Bộ GDĐT.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sách giáo khoa lớp 10 được thực hiện theo 1587/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2022-2023.

- Sách giáo khoa lớp 11 được thực hiện theo 1061/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2023-2024.

- Sách giáo khoa lớp 12 được thực hiện theo 1055/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2024-2025.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Trong năm học 2023-2024, Trường THPT Thanh Khê đã được Sở GDĐT công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số 463/QĐ-SGDĐT ngày 22/4/2019; Báo cáo số 117/BC-THPTTK ngày 08/6/2024 của Trường THPT Thanh Khê về Báo cáo kết quả cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024.

- Trong năm học 2024-2025, Trường THPT Thanh Khê xây dựng kế hoạch tự đánh giá và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Nội dung Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025 cụ thể như sau:

Đối với tiêu chuẩn 1: Tổ chức quản lý Nhà trường

Tiêu chí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người phụ trách hoặc người thực hiện	Các nguồn lực cần huy động
1.1	Rà soát kết quả giáo dục các năm học để bổ sung KH năm học 2024-2025 và điều chỉnh kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025	08/2024	Hội đồng trường	Kết quả giáo dục các năm
1.2	Tham mưu Sở GDĐT điều chỉnh bổ sung Hội đồng trường cho phù hợp thực tiễn	10/2024	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Sở GDĐT
1.3	Triển khai cho tham gia các lớp đối tượng đảng, trung cấp chính trị,...	Năm học 2024-2025	Chi ủy	Quận ủy, Sở GDĐT
1.4	Rà soát, sắp xếp và phân công lại các tổ chuyên môn cho phù	9/2024	Hiệu trưởng	Liên tịch

	hợp với thực tiễn			
1.5	Tiếp tục duy trì các nề nếp, hoạt động của lớp học. Nâng cao vai trò tự quản của ban cán sự lớp.	Năm học 2024-2025	GVCN	Đoàn thanh niên
1.7	Tham mưu Sở GDĐT bố trí đủ giáo viên, nhân viên. Phân công lao động hợp lý.	7,8/2024	Hiệu trưởng	Sở GDĐT
1.8	Cập nhật và triển khai kịp thời các văn bản của các cấp về việc chỉ đạo thực hiện, điều chỉnh kế hoạch chương trình giảng dạy và học tập trong năm học đến tất cả giáo viên.	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Sở GDĐT, các Tổ trưởng CM
1.9	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh Quy chế dân chủ	9, 10/2024	Hiệu trưởng	Hội nghị viên chức, người lao động. Cán bộ, giáo viên, nhân viên, tổ chức cá nhân tài trợ
1.10	Tiếp tục duy trì hệ thống PCCC. Triển khai các kế hoạch tuyên truyền, tập huấn,... về PCCC-CNCH, ATGT, an ninh trường học,...	Năm học 2024-2025	Phó Hiệu trưởng phụ trách ngoài giờ	Đoàn trường, Công đoàn, GVCN

Đối với tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Tiêu chí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người phụ trách hoặc người thực hiện	Các nguồn lực cần huy động
2.1	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng	9/2024	Hiệu trưởng	Các phó hiệu trưởng
2.2	Tổ chức tập huấn chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn, tổ chức các chuyên đề, nâng cao năng lực, trình độ đào tạo cho giáo viên	Năm học 2024-2025	Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên	Giáo viên
2.3	Xây dựng kế hoạch cho tổ Văn phòng sinh hoạt theo chuyên đề để có điều kiện trao đổi thông tin, giúp đỡ nhau trong chuyên môn, nghiệp vụ	9/2024	Tổ Văn phòng	

2.4	Xây dựng kế hoạch tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp nhằm phát triển giáo dục học sinh toàn diện	9,10/2024	Phó Hiệu trưởng, nhân viên y tế, Đoàn trường	Ban thường vụ Đoàn trường
-----	---	-----------	--	------------------------------

Đối với tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Tiêu chí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người phụ trách hoặc người thực hiện	Các nguồn lực cần huy động
3.1	Tiếp tục chăm sóc cây xanh, chèn chống bão, cắt cỏ, dọn vệ sinh,... Duy tu, sửa chữa CSVC	Năm học 2024-2025	Phó HT CSVC,	Tổ công tác, GVCN, Văn phòng
3.2	Tiếp tục triển khai gói thiết bị bổ sung cho Trường THPT Thanh Khê	Năm học 2024-2025	Phó HT CSVC, Tổ công tác	Sở GDĐT
3.3	Kế hoạch trang trí phòng truyền thống	Năm học 2024-2025	Phó HT CSVC	Sở GDĐT
3.4	Kiểm tra, sửa chữa các khu vệ sinh bị hỏng, hệ thống thoát nước.	6,7/2025	Phó HT CSVC	Tổ Văn phòng
3.5	Rà soát và kiên toàn hồ sơ sổ sách quản lý phòng học bộ môn, quản lý thiết bị, đồ dùng dạy học.	Năm học 2024-2025	Tổ trưởng chuyên môn, Nhân viên thiết bị	Tổ trưởng chuyên môn
3.6	Phát động phong trào đọc sách, ủng hộ sách để tăng số lượng bạn đọc và nguồn sách cho thư viện	Năm học 2024-2025	Nhân viên Thư viện	Cán bộ, giáo viên, nhân viên,...

Đối với tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Tiêu chí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người phụ trách hoặc người thực hiện	Các nguồn lực cần huy động
4.1	- Phát huy tốt mối quan hệ mật thiết giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS. - Tăng cường công tác phối hợp với các lực lượng xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS để đạt hiệu quả cao trong những năm tiếp theo. - Xây dựng và phát triển một hệ thống kỷ luật công bằng và	-Năm học 2024 – 2025	-Ban Giám hiệu và GVCN. -Ban Giám hiệu và GVCN. -Ban Giám hiệu, GVCN và PHHS.	- Đoàn thanh niên. - Đoàn thanh niên.

	minh bạch để học sinh biết rõ về quy tắc và hậu quả của hành vi của học sinh. Thảo luận với phụ huynh về các biện pháp kỷ luật và họ cũng nên tham gia vào quá trình giáo dục kỷ luật của con cái mình.			
4.2	- Tham mưu với chính quyền địa phương và cấp ủy Đảng, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, ngăn chặn triệt để bạo lực học đường. - Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào các hoạt động phòng chống vi phạm an toàn giao thông, xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật	-Năm học 2024 – 2025	- Ban Giám hiệu - Ban Giám hiệu, GVCN và PHHS.	- Đoàn thanh niên - Đoàn thanh niên

Đối với tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Tiêu chí	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Người phụ trách hoặc người thực hiện	Các nguồn lực cần huy động
5.1	- Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn chú trọng khai thác các nội dung trên trang web trường học kết nối trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của tổ.	Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	-Tổ chuyên môn và bộ phận quản lí trang web.	- Tổ chuyên môn và giáo viên bồi dưỡng đội tuyển HSG - Kết hợp đoàn trường, phụ huynh học sinh
5.2	- Tổ chức các buổi ngoại khóa, các buổi hội nghị học tốt để hướng dẫn học sinh xác định mục tiêu học tập, xây dựng ước mơ cho tương lai của mình. - Giáo viên cần tăng cường đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh.	Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	- Tổ chuyên môn và GVBM	- Tổ chuyên môn và GVBM, kết hợp đoàn trường, phụ huynh học sinh, sự hỗ trợ của các cấp, các ngành.

5.3	- Xây dựng kế hoạch và đề ra các biện pháp tích cực để hoàn thành tốt chương trình năm học do Bộ GD&ĐT đã đề ra. - Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường. - GVBM bồi dưỡng học sinh giỏi phải xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn. - Huy động sự hỗ trợ của các cấp, các ngành, các mạnh thường quân hỗ trợ trang thiết bị dạy học.	Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	- BGH nhà trường - Tổ chuyên môn và GVBM	- BGH nhà trường - Tổ chuyên môn và GVBM - Huy động sự hỗ trợ của các cấp, các ngành, phụ huynh học sinh
5.4	- Đẩy mạnh công tác tổ chức hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh các khối lớp. - Mời các chuyên gia tư vấn hướng nghiệp có uy tín, để các buổi tổ chức hoạt động hướng nghiệp của nhà trường thu hút được sự quan tâm chú ý hơn của học sinh.	Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	- Tổ chuyên môn và GVBM	- Tổ chuyên môn và GVBM - Đoàn trường, phụ huynh học sinh
5.5	- Xây dựng kế hoạch cụ thể cho công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo	- BGH nhà trường - Tổ chuyên môn và GVBM	- Tổ chuyên môn, GVBM, GVCN - Đoàn trường

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Trường đã được đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số 463/QĐ-SGDĐT ngày 22/4/2019 của Giám đốc Sở GDĐT.

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh của năm học 2024-2025

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh đã tốt nghiệp THCS, dự thi và được Sở GDĐT xét tuyển đủ điểm chuẩn vào nhà trường.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 484 học sinh, có 497 học sinh đủ điểm chuẩn và có 495

học sinh nhập học (được Sở GDĐT Phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Thanh Khê năm học 2024-2025- Quyết định số 1023/QĐ-SGDĐT ngày 09/9/2024).

b) Kế hoạch giáo dục

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch triển khai các hoạt động giáo dục, kế hoạch tổ chức các hoạt động: đảm bảo theo các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT. Cuối học kỳ I, cuối năm học, nhà trường báo cáo các lĩnh vực công tác theo hướng dẫn của Sở GDĐT thành phố.

c) Quy chế phối hợp

Nhà trường có quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

- Nhà trường có kế hoạch tháng và tổ chức các chương trình giáo dục chính khóa, các hoạt động giáo dục ngoại khóa, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: sân khấu hóa các hoạt động dưới cờ, tuyên truyền và tổ chức các hoạt động giáo dục, thể dục thể thao, ngày hội văn hóa dân gian, thi văn nghệ...

- Chi hội khuyến học nhà trường tổ chức vận động các cá nhân và tập thể đề gây quỹ và hỗ trợ, cấp học bổng cho học sinh khó khăn, học sinh giỏi, học sinh đạt giải học sinh giỏi các cấp.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Năm học 2024-2025, toàn trường có 33 lớp: 11 lớp 10, 11 lớp 11, 11 lớp 12, tổng số HS toàn trường là: 1463 học sinh (tính theo thời điểm báo cáo đầu năm học 2024-2025). Cụ thể như sau:

Số học sinh trung bình / lớp:

Khối 10: 44,9 học sinh/ lớp.

Khối 11: 44,09 học sinh/ lớp.

Khối 12: 44 học sinh/ lớp.

III.	Học sinh	Đơn vị tính	Tổng số				Công lập			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng	Nữ			Tổng	Nữ
	A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
3.1.	Tổng quy mô	người	1,463	735	10	5	1,463	735	10	5
3.2.	Quy mô chia theo vùng:		1,463	735	10	5	1,463	735	10	5
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	người	1,463	735	10	5	1,463	735	10	5
	- Miền núi vùng sâu, hải đảo	người								

	<i>Trong đó : Học sinh ở khu vực thành thị</i>	người	1,321	668	10	5	1,321	668	10	5
3.3.	Quy mô chia ra theo lớp		1,463	735	10	5	1,463	735	10	5
	- Học sinh lớp 10	người	494	255	5	3	494	255	5	3
	- Học sinh lớp 11	người	485	246	3	1	485	246	3	1
	- Học sinh lớp 12	người	484	234	2	1	484	234	2	1
3.4.	Quy mô chia ra theo độ tuổi		1,463	735	10	5	1,463	735	10	5
	- Dưới 15 tuổi	người								
	- 15 tuổi	người	485	250	5	3	485	250	5	3
	- 16 tuổi	người	486	248	3	1	486	248	3	1
	- 17 tuổi	người	485	234	2	1	485	234	2	1
	- Trên 17 tuổi	người	7	3			7	3		
	Trong đó học sinh đi học đúng tuổi		1,442	726	10	5	1,442	726	10	5
	- Học sinh 15 tuổi học lớp 10	người	485	250	5	3	485	250	5	3
	- Học sinh 16 tuổi học lớp 11	người	478	243	3	1	478	243	3	1
	- Học sinh 17 tuổi học lớp 12	người	479	233	2	1	479	233	2	1
3.5.	Trong tổng quy mô có:		1,463	735	10	5	1,463	735	10	5
	- Học sinh mới tuyển đầu cấp	người	494	255	5	3	494	255	5	3
	- Học sinh lưu ban năm học trước đang học lại trong năm học này	người	0							
	+ Lưu ban lớp 10	người	0							
	+ Lưu ban lớp 11	người	0							
	+ Lưu ban lớp 12	người	0							
	- Học sinh học 2 buổi/ngày	người								
	- Học sinh dân tộc nội trú	người								
	- Học sinh khuyết tật học hòa nhập	người	14	3			14	3		
	Trong đó :									
	+ Khuyết tật về nhìn	người								
	+ Khuyết tật về nghe, nói	người								
	+ Khuyết tật về trí tuệ	người	10	3			10	3		
	+ Khuyết tật về vận động	người	2				2			
	+ Khuyết tật thần kinh, tâm thần	người	1				1			
	- Học sinh khuyết tật học chuyên biệt	người								
	Trong đó :									
	+ Khuyết tật về nhìn	người								
	+ Khuyết tật về nghe, nói	người								
	+ Khuyết tật về trí tuệ	người								
	+ Khuyết tật về vận động	người								
	+ Khuyết tật thần kinh, tâm thần	người								

	- Học sinh học tin học	người	849	342	8	4	849	342	8	4
	- Học sinh được tư vấn giáo dục hướng nghiệp	người	1,463	735	10	5	1,463	735	10	5
3.6.	Học sinh thuộc đối tượng chính sách	người	44	25	4	3	44	25	4	3
3.6.1.	Học sinh được miễn học phí	người	37	21			37	21		
3.6.2.	Học sinh được giảm học phí	người								
3.6.3.	Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	người	37	21			37	21		
3.6.4.	- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được hỗ trợ học tập	người								
3.6.5.	Hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo	người								

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;
- Kết quả xếp loại học lực/học tập năm học 2023-2024.

Khối lớp	Tốt/Giỏi		Khá		Đạt/TB		Ch.đạt/Yếu		Kém	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	97	20.21	341	71.04	42	8.75	0	0	0	0
11	122	25.21	302	62.40	60	12.40	0	0	0	0
12	176	39.02	268	59.42	7	1.55	0	0	0	0
Toàn trường	395	27.92	911	64.38	109	7.70	0	0	0	0

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện năm học 2023-2024

Khối lớp	Tốt		Khá		Đạt/Trung bình		Chưa đạt/Yếu	
	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%	Số HS	%
10	452	94.17	25	5.21	2	0.42	1	0.21
11	446	92.15	33	6.82	5	1.03	0	0
12	444	98.45	7	1.55	0	0	0	0
Toàn trường	1342	94.84	65	4.59	7	0.49	1	0.07

100% học sinh được lên lớp (năm 2024).

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Số lượng học sinh tốt nghiệp năm học 2023-2024 là 451/451 học sinh, chiếm tỉ lệ 100%. Số lượng học sinh trúng tuyển đại học là 397/413 học sinh đăng ký xét tuyển, chiếm tỉ lệ 96,13%.

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Chi bộ Trường THPT Thanh Khê được xếp loại “Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024”.

- Trường THPT Thanh Khê được Sở GDĐT đánh giá “Tập thể hoàn thành tốt

nhiệm vụ” năm học 2023 – 2024.

- Công đoàn nhà trường được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” năm học 2023 – 2024.

- Đoàn thanh niên nhà trường được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm học 2023 – 2024.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 của Trường THPT Thanh Khê./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Hội đồng sư phạm;
- Trang <https://tkh.edu.vn/>;
- Lưu: VT, VP.

